ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1158/QĐ-UBND	*Vĩnh An, ngày 07 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Vĩnh An phê duyệt quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh An về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31 tháng 07 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh An điều chỉnh Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Vĩnh An phê duyệt quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 1162/TTr-PKT, ngày 07 tháng 08 năm 2026 Về việc công bố công khai điều chỉnh Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Vĩnh An phê duyệt quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của xã Vĩnh An

(theo biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Vũ Khang

***Nơi nhận*:**
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT và các PCT UBND xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- VP. HĐND và UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

Biểu mẫu số 48

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**103.058.000.000**	**155.377.522.414**	**52.319.522.414**	**151%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**1.203.000.000**	**949.998.740**	**(253.001.260)**	**79%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	1.203.000.000	949.998.740	(253.001.260)	79%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**101.855.000.000**	**151.833.158.199**	**49.978.158.199**	**15208%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	101.522.000.000	101.522.000.000	-	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	333.000.000	50.311.158.199	49.978.158.199	15108%
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			-	
IV	**Thu kết dư**		**362.270.010**	**362.270.010**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**2.232.095.465**	**2.232.095.465**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**103.058.000.000**	**152.856.541.768**	**49.798.541.768**	**148%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**102.725.000.000**	**139.569.428.506**	**36.844.428.506**	**136%**
1	Chi đầu tư phát triển		9.673.144.706	9.673.144.706	
2	Chi thường xuyên	100.711.000.000	129.896.283.800	29.185.283.800	129%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	2.014.000.000	-	(2.014.000.000)	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**333.000.000**	-	(333.000.000)	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	333.000.000	-	**(333.000.000)**	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**		**13.185.083.573**	**13.185.083.573**	
IV	**Chi nộp trả ngân sách cấp trên**		**102.029.689**	**102.029.689**	
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ NSĐP**		**2.520.980.646**	**2.520.980.646**	
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**				
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**				
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**				
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**				
I	**Vay để bù đắp bội chi**				
II	**Vay để trả nợ gốc**				
F	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP**				